

*
Số: 568 -CTr/BCSD

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương
Đảng Khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất
nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII đã thông qua Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 29-NQ/TW).

Căn cứ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 29-NQ/TW, Ban cán sự đảng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Chương trình hành động thực hiện với nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức quán triệt sâu sắc và triển khai thực hiện hiệu quả các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tại Nghị quyết số 29-NQ/TW; tạo sự đồng thuận, nhất trí cao trong nhận thức và hành động của đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động các đơn vị thuộc Bộ trong việc quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu của Nghị quyết đề ra.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy đảng, thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ trong xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về lao động, người có công và xã hội, góp phần đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, lấy con người là trung tâm, doanh nghiệp là chủ thể, bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế và chuyển dịch cơ cấu lao động.

2. Yêu cầu

- Nhận thức đầy đủ, sâu sắc quan điểm chỉ đạo, mục tiêu và tầm nhìn về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo Nghị quyết số 29-NQ/TW.

- Bảo đảm thể chế hóa, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các quan điểm, đường lối, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thuộc lĩnh vực lao động, người có công và xã hội trong Nghị quyết số 29-NQ/TW; tổ chức thực hiện Chương trình hành động cần thể hiện tinh thần quyết tâm đổi mới, sáng tạo, quyết liệt, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, bám sát yêu cầu thực tiễn của Bộ, ngành; gắn kết chặt chẽ

với việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và các chương trình, kế hoạch hành động khác của Bộ, ngành.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đổi mới tư duy, nhận thức và hành động quyết liệt, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

- Quán triệt, tuyên truyền sâu rộng những quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo Nghị quyết số 29-NQ/TW; nâng cao nhận thức của các tổ chức đảng, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về lao động, người có công và xã hội.

- Các đơn vị thuộc Bộ đưa các nội dung thực hiện Nghị quyết có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị vào chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ công tác hàng năm để lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số một cách sâu rộng, toàn diện tất cả các lĩnh vực lao động, người có công và xã hội, trọng tâm là phục vụ người dân và doanh nghiệp, góp phần hiện đại hóa, nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước của Bộ, ngành.

2. Xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

- Nghiên cứu, thể chế hóa các nội dung về lao động, người có công và xã hội tại các Nghị quyết, kết luận của Đảng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, bao gồm: Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch số 13-KH/TW ngày 28/11/2022 của Ban chấp hành trung ương thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW.

- Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chính sách pháp luật trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội; tập trung xây dựng, trình Chính phủ đề trình Quốc hội thông qua Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi), Luật Việc làm (sửa đổi); tổng kết, đánh giá thi hành Luật Người cao tuổi, Luật Người khuyết tật và Luật Bình đẳng giới nhằm tạo điều kiện phát triển thị trường lao động, bảo đảm an sinh xã hội, phù hợp nguyên tắc kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Rà soát, bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về giáo dục nghề nghiệp, bảo đảm gắn với thị trường lao động theo hướng mở, liên thông, hiện đại, hội nhập và thích ứng; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là đào tạo nhân lực chất lượng cao, có kỹ năng nghề đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nghiên cứu, xây dựng chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn; đẩy mạnh thực hiện cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ gắn với kết quả đầu ra để nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập. Hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút các nhà đầu tư, doanh nghiệp, người sử dụng lao động tích cực tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng nghề. Chú trọng đào tạo nghề tại nơi làm việc.

3. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Triển khai đồng bộ, hiệu quả Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các chương trình, đề án về phát triển giáo dục nghề nghiệp. Triển khai hiệu quả Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp.

Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy hoạch; sắp xếp cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập phù hợp với quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo hướng mở, tinh gọn, hiệu quả, phân tầng chất lượng, chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa. Tập trung hỗ trợ đầu tư một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp để thành trường cao đẳng chất lượng cao, trường thực hiện chức năng trung tâm vùng, trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao có tính chất hạt nhân, dẫn dắt, lan tỏa, đáp ứng nhu cầu nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao. Khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, có vốn đầu tư nước ngoài, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong doanh nghiệp

Tập trung cho công tác tuyển sinh, đẩy mạnh đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động, nhất là ở những địa bàn, khu vực kinh tế trọng điểm, tập trung đông các khu công nghiệp, khu chế xuất để đáp ứng nhu cầu lao động có kỹ năng nghề cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa; thúc đẩy đào tạo lao động có trình độ tay nghề cao, đáp ứng yêu cầu phát triển trên các lĩnh vực và chuẩn bị cho xu thế chuyển dịch đầu tư, góp phần nâng cao năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh trí thức hóa công nhân thông qua đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng số cho công nhân.

Triển khai các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thúc đẩy nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. rà soát, sửa đổi, bổ sung các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nông nghiệp, nông thôn gắn với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế khu vực nông thôn; đào tạo nghề gắn với địa chỉ sử dụng lao động cụ thể. Phát triển nhân lực nghiên cứu, chuyên gia trong nông nghiệp; nâng cao trình độ lao động nông thôn góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Xây dựng các chương trình cấp quốc gia và cấp địa phương, ngành, lĩnh vực về đào tạo, thu hút trọng dụng lao động có kỹ năng; xây dựng và triển khai chương trình đào tạo lao động kỹ thuật trong các lĩnh vực công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn. Tăng cường kiểm định, đánh giá phân tầng chất lượng giáo dục nghề nghiệp; đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho lực lượng lao động; chú trọng triển khai các nội dung phát triển kỹ năng nghề, kế hoạch hoạt động nâng tầm kỹ năng lao động Việt Nam nhằm phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, có kỹ năng nghề phục vụ công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn.

Đẩy mạnh chuyển đổi số, hình thành cơ sở dữ liệu về giáo dục nghề nghiệp kết nối thị trường lao động, việc làm; hiện đại hóa cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và đổi mới chương trình, phương thức đào tạo; gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp và thị trường lao động. Lập kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao phục vụ sản xuất, kinh doanh. Đẩy mạnh thu hút đầu tư, hợp tác quốc tế trong đào tạo chất lượng cao.

4. Phát triển thị trường lao động nhằm huy động và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa

- Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động đến năm 2030 (Quyết định số 176/QĐ-TTg ngày 05/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ); Nghị quyết 06/NQ-CP ngày 10/01/2023 của Chính phủ về phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập nhằm phục hồi nhanh kinh tế - xã hội. Phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyên đổi số, thực hiện số hoá. Tăng kết nối cung - cầu lao động trên thị trường, nhất là kết nối thị trường lao động các tỉnh vùng kinh tế trọng điểm (cần nhiều lao động) với các tỉnh vùng Trung du, miền núi Bắc Bộ, đồng bằng sông Cửu long (nơi có nguồn nhân lực dồi dào). Có giải pháp phân bố lao động phù hợp theo vùng nhằm sử dụng hợp lý và hiệu quả nguồn nhân lực. Nghiên cứu, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về người lao động kết nối thông tin với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; nâng cao năng lực phân tích, dự báo thị trường lao động. Tăng cường giao dịch việc làm trực tuyến, ứng dụng công nghệ thông tin trong tư vấn, giới thiệu việc làm, kết nối cung - cầu lao động, rút ngắn thời gian tìm việc của người lao động, góp phần tăng trưởng và giải quyết việc làm cho người lao động.

- Làm tốt công tác quản lý, cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam. Hướng dẫn các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có sử dụng lao động thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam. Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý lao động cho các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, chủ đầu tư, nhà thầu và người lao động.

- Tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về xây dựng quan hệ lao động theo tinh thần Chỉ thị 37-CT/TW ngày 03/9/2019 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới.

- Tập trung thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chương trình quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động giai đoạn 2021-2025; đẩy mạnh tuyên truyền, huấn luyện, phổ biến pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động. Bảo đảm các điều kiện và xây dựng môi trường làm việc an toàn cho người lao động, nhất là tại các khu công nghiệp tập trung. Khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, người lao động tham gia cải thiện điều kiện và môi trường lao động nhằm giảm thiểu tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; phấn đấu tăng thêm nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ áp dụng hiệu quả các mô hình quản lý công tác an toàn, vệ sinh lao động, từng bước đáp ứng các chuẩn mực quốc tế; xây dựng văn hóa an toàn trong doanh nghiệp.

- Tăng cường quản lý, bảo vệ tối đa quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, tập trung mở rộng các thị trường tiếp nhận lao động có trình độ khoa học kỹ thuật phát triển, mức thu nhập cao, điều kiện lao động tốt; nghiên cứu chính sách sử dụng nguồn nhân lực đã được đào tạo, tiếp cận khoa học kỹ thuật ở nước ngoài khi người lao động hoàn thành hợp đồng, trở lại tham gia thị trường lao động trong nước.

5. Phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện và hiện đại, hướng tới bao phủ toàn dân.

- Tiếp tục thể chế hóa Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Thực hiện các giải pháp đột phá nhằm phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, đặc biệt là phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội; tăng cường công tác giám sát về tình hình thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp ở các địa phương; quản lý chặt chẽ đối tượng thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội, đối tượng thụ hưởng.

- Tiếp tục triển khai thực hiện cải cách chính sách tiền lương đối với khu vực sản xuất, kinh doanh theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp; thúc đẩy cơ chế đối thoại, thương lượng để xác lập tiền lương theo cơ chế thị trường.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách pháp luật, các chương trình, đề án, chính sách hỗ trợ các đối tượng yếu thế trong xã hội, nhất là người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Nghiên cứu, xây dựng chính sách đối với người mất việc làm, người di cư, người có thu nhập thấp. Tăng cường công tác xã hội, trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người khuyết tật, người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng; chăm sóc và phát huy người cao tuổi. Huy động mọi nguồn lực xã hội, phát triển các hình thức trợ giúp dựa vào cộng đồng để tạo điều kiện, cơ hội cho các đối tượng yếu thế vượt qua hoàn cảnh, vươn lên hòa nhập cộng đồng.

- Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp về giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, bảo đảm mức sống tối thiểu và các dịch vụ xã hội cơ bản. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành chính sách hỗ trợ giảm nghèo có điều kiện phù hợp với từng vùng, miền, ưu tiên vùng đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số; tăng cường tín dụng chính sách xã hội cho người nghèo, người mới thoát nghèo.

- Nghiên cứu, đề xuất sản an sinh xã hội quốc gia, bộ chỉ số giám sát an sinh xã hội, dự án Luật Trợ giúp xã hội nhằm hoàn thiện chính sách, pháp luật, cơ chế trợ giúp xã hội đối với người dân

6. Phát triển kết cấu hạ tầng giáo dục nghề nghiệp, dịch vụ việc làm, trợ giúp xã hội đồng bộ, hiện đại.

Triển khai Quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt. Sắp xếp, tổ chức lại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, hiệu quả, bảo đảm quy mô, cơ cấu và hợp lý về ngành, nghề, trình độ đào tạo, cơ cấu vùng, miền; chuẩn hoá, hiện đại hoá, có phân tầng chất lượng, gắn với yêu cầu và xu hướng phát triển của thị trường lao động. Chú trọng các ngành, nghề, lĩnh vực đào tạo có thể mạnh gắn với nhu cầu thị trường lao động. Kien toàn bộ máy quản lý nhà nước theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Tăng cường công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra; định kỳ đánh giá, xếp loại chất lượng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Tập trung đầu tư một số trường cao đẳng đề đến năm 2030 có 90 trường chất lượng cao, trong đó 60 trường tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4 và 06 trường tiếp cận trình độ các nước phát triển trong nhóm G20. Hình thành các trung tâm quốc gia, trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao tại các vùng kinh tế - xã hội. Triển khai đồng bộ, phát triển hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu ... hình thành nền tảng số giáo dục nghề nghiệp phục vụ cho hoạt động quản lý, dạy và học; kết nối, chia sẻ dữ liệu số với hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ.

- Phát triển mạng lưới cơ sở dịch vụ việc làm phù hợp với thị trường lao động của từng vùng, từng tỉnh. Tập trung đầu tư phát triển các Trung tâm dịch vụ việc làm thuộc các địa phương là trung tâm của 6 vùng kinh tế xã hội theo hướng vừa là trung tâm của tỉnh, vừa là nơi thực hiện các giao dịch việc làm, kết nối thông tin thị trường lao động, phân tích, dự báo thị trường lao động của vùng và kết nối các vùng với nhau. Ứng dụng các giải pháp khoa học công nghệ mới trong hoạt động giao dịch việc làm; xây dựng công cụ (phần mềm, bộ tiêu chí, tiêu chuẩn) quản lý chung, thống nhất hoạt động trên toàn quốc về dịch vụ việc làm. Rà soát, đánh giá cơ sở vật chất hiện có của trung tâm dịch vụ việc làm nhằm xác định nhu cầu đầu tư đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện kết nối cung - cầu lao động chuyên nghiệp, hiện đại và hiệu quả.

- Triển khai Quy hoạch mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội đủ năng lực, quy mô, đáp ứng nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ về trợ giúp xã hội, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đối tượng. Rà soát, sắp xếp lại mạng lưới các cơ sở dịch vụ xã hội. Đầu tư, trang bị các hệ thống công nghệ tiên tiến, hiện đại, phù hợp tại các cơ sở dịch vụ xã hội; triển khai xây dựng các dịch vụ hỗ trợ, chăm sóc các đối tượng bảo trợ xã hội (BTXH) trên cơ sở áp dụng các thành tựu của khoa học công nghệ, công nghệ thông tin và chuyển đổi số tạo điều kiện để người dân tiếp cận các dịch vụ xã hội một cách thuận lợi, bao gồm các dịch vụ

chăm sóc sức khỏe, các dịch vụ y tế, giáo dục. Có chính sách đồng bộ mở rộng mạng lưới cung ứng dịch vụ xã hội, thúc đẩy xã hội hóa; hoàn thiện chính sách ưu đãi về giá và thời gian cho thuê đất đối với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp dịch vụ xã hội, thu hút tối đa nguồn lực xã hội đầu tư cho dịch vụ xã hội; có cơ chế khuyến khích, rộng mở để các thành phần kinh tế tham gia đầu tư và cung ứng dịch vụ xã hội, nâng cao chất lượng dịch vụ sự nghiệp công đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đồng chí thành viên Ban cán sự đảng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm trước Bí thư Ban cán sự đảng về việc triển khai thực hiện Chương trình này trong phạm vi lĩnh vực, nhiệm vụ được giao.

2. Giao Vụ Kế hoạch – Tài chính chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ban cán sự đảng và các đơn vị liên quan xây dựng, trình Bộ trưởng ban hành Kế hoạch hành động của Bộ thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW.

3. Giao Văn phòng Ban cán sự đảng nghiên cứu, giúp Ban cán sự đảng cụ thể hóa các nội dung của Chương trình hành động này trong Chương trình công tác hàng năm của Ban cán sự đảng; theo dõi, đôn đốc và báo cáo việc thực hiện Chương trình hành động này.

4. Văn phòng Bộ chủ trì, phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin, các Báo, Tạp chí của Bộ, ngành và các cơ quan thông tin ở Trung ương và địa phương làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền nhằm tạo sự đồng thuận xã hội, thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao trong Nghị quyết 29/NQ-TW.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể của Chương trình hành động này, các cơ quan, đơn vị chủ động báo cáo đồng chí Bí thư Ban cán sự đảng (qua Văn phòng Ban cán sự đảng) để xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng (để báo cáo),
- Ban cán sự đảng Chính phủ,
- Văn phòng TW đảng; Ban Kinh tế Trung ương,
- Bí thư Ban cán sự đảng (để báo cáo);
- Các đồng chí thành viên Ban cán sự đảng Bộ,
- Đảng ủy Bộ (để phối hợp),
- Các đơn vị QLNN thuộc Bộ,
- Sở LĐTBXH các tỉnh/thành phố trực thuộc TW,
- Lưu VT, VPBCSD, Vụ KHTC.

T/M BAN CÁN SỰ ĐẢNG

PHÓ BÍ THƯ



Lê Tấn Dũng